

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

NĂM 2008

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Đơn vị tính VND

Stt	Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn		125.420.990.905
1	Tiền		75.300.217.935
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác		9.111.883.400
	- Chứng khoán tự doanh		16.717.817.420
	- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người uỷ thác đầu tư		
	- Đầu tư ngắn hạn		
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn		(7.605.934.020)
3	Các khoản phải thu		34.473.222.752
4	Vật liệu, công cụ tồn kho		579.162.179
5	Tài sản ngắn hạn khác		5.956.504.639
II	Tài sản dài hạn		178.020.292.423
1	Tài sản cố định		13.586.711.088
	- Tài sản cố định hữu hình		13.189.717.631
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Tài sản cố định vô hình		396.993.457
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác		162.396.247.000
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
4	Tài sản dài hạn khác		2.037.334.335
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		303.441.283.328
IV	Nợ phải trả		2.867.951.528
1	Nợ ngắn hạn		2.867.951.528
2	Nợ dài hạn		
VI	Nguồn vốn chủ sở hữu		300.573.331.800
1	Vốn góp ban đầu		300.000.000.000
2	Vốn bổ sung		
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối		573.331.800
4	Vốn điều chỉnh		
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		303.441.283.328

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	46.238.062.583	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần	46.238.062.583	
4	Thu lãi đầu tư	848.325.000	
5	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư	47.086.387.583	
6	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	44.725.207.326	
7	Lợi nhuận gộp	2.361.180.257	
8	Chi phí quản lý	11.369.619.194	
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	(9.008.438.937)	
10	Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh	9.581.770.737	
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	573.331.800	
12	Lợi nhuận tính thuế (Lợi nhuận trước thuế - lãi đầu tư)	(272.243.200)	
13	Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp		
14	Lợi nhuận sau thuế	573.331.800	
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (nếu có)	19,11	
16	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (nếu có)		

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%		58,67 41,33
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%		0,95 99,05
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần		43,53 43,73
4	Tỷ suất lợi nhuận - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%		0,19 1,24 0,19

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

TỔNG GIÁM ĐỐC

LƯƠNG VINH LINH

NGUYỄN VĂN THIÊN